TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 3 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngư.

Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Thu L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Đồ Xuân L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị L có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt)

NỘI LỘCNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị Thu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L tự nguyện tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng ngày 01-02-2013. Sau khi kết hôn, Chị L và anh L sống tại Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian chung sống anh, chị bất đồng quan điểm, không quan tâm, chăm sóc nhau, anh L có hành vi bạo lực gia đình, từ năm 2020 Chị L và anh L không còn chung sống với nhau. Chị L nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh L không thể

hàn gắn được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Thời gian chung sống, Chị L và anh L có 02 (hai) con chung tên Đồ Ái M, sinh ngày 20-7-2014 và Đồ Ái V, sinh ngày 31-3-2020. Các con chung hiện đang sống cùng với Chị L. Sau khi ly hôn, Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Đồ Xuân L:

Anh L đã được cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của Chị L.

- Tại Biên bản ghi ý kiến con chưa thành niên ngày 16 tháng 12 năm 2022, cháu Đồ Ái M trình bày:

Cháu M hiện đang sống cùng với mẹ và bà ngoại tại Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Trường hợp cha mẹ không sống chung với nhau nữa (ly hôn) thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ.

- Tại Văn bản số: 335/VHTT ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Châu Thành:

Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Châu Thành không có ý kiến về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa Chị L và anh L. Các yêu cầu về ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt các phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị L, cụ thể: Chị L được ly hôn với anh L; giao 02 (hai) con chung tên Đồ Ái M, sinh ngày 20-7-2014 và Đồ Ái V, sinh ngày 31-3-2020 cho Chị L nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị L không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Chị L trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lâm Thị Thu L khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Đồ Xuân L. Anh L cư trú tại Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, Chị L và anh L vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, Chị L và anh L đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, Chị L có đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh L tự nguyện tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15/2013, quyển số 02/2012-013 ngày 01-02-2013. Tại thời điểm kết hôn, Chị L, anh L đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa Chị L, anh L được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của Chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn Chị L, anh L chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm, chăm sóc nhau, anh L có hành vi bạo lực gia đình và đến năm 2020 Chị L, anh L không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập Chị L, anh L tham gia phiên hòa giải nhưng anh L vắng mặt nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị L, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Chị L yêu cầu được ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số: 15/2015, quyển số: 01/2015 ngày 16-01-2015 và Trích lục khai sinh số: 281/2020/TLKS-BS ngày 14-4-2020 của Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thì Chị L, anh L có 02 (hai) con chung tên Đồ Ái M (giới tính: Nữ), sinh ngày 20-7-2014 và Đồ Ái V (giới tính: Nữ), sinh ngày 31-3-2020. Sau khi ly hôn, Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 (hai) con chung đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi, anh L không có ý kiến phản đối yêu cầu này của Chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, các con chung hiện đang sống cùng với Chị L, cuộc sống, việc học tập đã ổn định, cháu Đồ Ái M có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu Đồ Ái V dưới 36 tháng tuổi, để đảm bảo cuộc sống

của con chung không bị xáo trộn, cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, giao con chung cho Chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi" và* Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở".* Theo quy định viện dẫn, anh L là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với Chị L. Đồng thời, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:*"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".* Theo quy định viện dẫn, anh L là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, Chị L không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, còn anh L không có ý kiến phản đối yêu cầu này của Chị L nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Như đã nhận định, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Thu L được ly hôn với anh Đồ Xuân L.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Đồ Ái M (giới tính: Nữ), sinh ngày 20-7-2014 và Đồ Ái V (giới tính: Nữ), sinh ngày 31-3-2020 cho chị Lâm Thị Thu L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Đồ Xuân L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lâm Thị Thu L không yêu cầu anh Đồ Xuân L phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Thị Thu L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, anh Đồ Xuân L không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị Lâm Thị Thu L nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Lâm Thị Thu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: 0005730 ngày 16-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị Lâm Thị Thu L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Phú Tân, huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thành Đạt